

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12 tháng 4 năm 2019

“V/v: không công nhận quan hệ vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Ngô Thanh Xuân; Ông Phạm Đình Thìn
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Sang – Thư ký TAND huyện Lạng Giang
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Minh Tuyết – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 2 năm 2019 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, NH, xã XL huyện LG, BG

2- Bị đơn: anh Lê Ngọc Q, năm 1969; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, NH, xã XL, huyện LG, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2019, bản tự khai và lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lê Ngọc Q đã tổ chức lễ cưới vào ngày 09/10/1990 âm lịch, nhưng khi đó do chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên vợ chồng không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Từ đó cho đến nay, vợ chồng chị vẫn không đến UBND xã để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay trong quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn gay gắt không thể hòa giải, nhiều năm nay đã sống ly thân, chị yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Lê Ngọc Q.

Về con chung: Chị và anh Q có hai con chung là Lê Thị H, sinh năm 1992 và Lê Thị Ph, sinh năm 1994 hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có. Công nợ chung: không có.

Bị đơn anh Lê Ngọc Q tại bản tự khai ngày 20/2/2019 và các lời khai tiếp theo xác nhận anh và chị Nguyễn Thị T đã tổ chức lễ cưới từ ngày 09/10/1990, từ đó đến nay vợ chồng chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc trong những năm đầu, song những năm gần đây xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Nay chị T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, anh cũng xác định không thể chung sống tiếp với chị T, do đó nhất trí đề nghị Tòa án xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Về con chung: Vợ chồng có hai con như chị T đã trình bày, hiện hai con đều khỏe mạnh, trên 18 tuổi, anh không yêu cầu Tòa án xem xét. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T có mặt giữ nguyên ý kiến yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Anh Lê Ngọc Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt song đã có đơn xin xét xử vắng nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, thực trạng hôn nhân của chị T, anh Q, đề nghị Tòa án căn cứ điểm b,c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Điều 14; khoản 1 điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc Q. Về con chung, tài sản chung không đặt ra xem xét do các đương sự không yêu cầu. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt song đã có

đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc Q đều thừa nhận có tổ chức lễ cưới ngày 09/10/1990 và chung sống từ khi cưới cho đến nay nhưng không đi đăng ký kết hôn, xác minh tại UBND xã XL, huyện LG cũng xác định anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy theo quy định tại các điều 5, 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b, c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX xác định quan hệ hôn nhân của chị T và anh Q không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị T, anh Q đều xác định cuộc sống chung mâu thuẫn, không thể chung sống, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân vợ chồng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc Q là vợ chồng.

Về con chung: chị T, anh Q có hai con chung là Lê Thị H, sinh năm 1992 và Lê Thị Ph, sinh năm 1994, các con của anh, chị đều trên 18 tuổi, khỏe mạnh nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị T, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 9, điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 26; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc Q là vợ chồng.

Án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006942 ngày 15/2/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã X L.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng